TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thiện Bửu;

2. Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:* Vào năm 2010, chị và Trần Văn L1 quen biết, rồi thương yêu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới,

có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H, Đồng Tháp vào ngày 26/8/2013. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau này nảy sinh mâu thuẩn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, dù có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Văn L1.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Chí S, sinh ngày 10/02/2010, hiện đang sống với anh L1. Nguyện vọng của cháu S là được sống với chị L sau khi cha mẹ ly hôn nên chị L yêu cầu được nuôi cháu S, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Văn L1:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn L1 vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L với anh Trần Văn L1.

[4] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trần Văn L1 có sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, Đồng Tháp. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp

pháp. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị L và anh L1 đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Đồng thời theo xác nhận của Ủy ban nhân dân T thì giữa chị L và anh L1 không biết có mâu thuẫn gì vì hiện tại anh L1 không có ở địa phương do đi làm ăn xa. Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh L1 đúng quy định pháp luật, nhưng anh L1 không có văn bản ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình và để tham phiên hòa giải giữa anh và chị L, đều này cũng thể hiện ý chí của của anh L1 là không muốn đoàn tụ lại với chị L.

Từ những phân tích trên xét thấy giữa chị L và anh L1 không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

[5] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Chí S, sinh ngày 10/02/2010, hiện đang sống với anh L1. Nguyện vọng của cháu S là được sống với chị L sau khi cha mẹ ly hôn nên chị L yêu cầu được nuôi cháu S, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng cho con. Xét thấy yêu cầu của chị L là phù hợp nên chấp nhận. Chị L được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Chí S, sinh ngày 10/02/2010, anh L1 không phải cấp dưỡng cho con do chị L không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Văn L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L với anh Trần Văn L1.

2/ Về con chung: Chị L được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Chí S, sinh ngày 10/02/2010, anh L1 không phải cấp dưỡng cho con do chị L không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Mỹ L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Văn L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05146 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
TÒA
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Phương Thảo